

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 27/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa các đương sự sau:

- Người yêu cầu: Bà Trần Thanh H, sinh năm 1991; Địa chỉ: 1 N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người yêu cầu: Ông Đặng Vĩnh Duy H1, sinh năm 1977; Địa chỉ: C N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 14 tháng 9 năm 2020 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì bà Trần Thanh H và ông Đặng Vĩnh Duy H1 là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh H và ông Đặng Vĩnh Duy H1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà H và ông H1 có 01 con chung là Đặng Thiên K, sinh ngày 27/9/2020. Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông H1 cấp dưỡng nuôi con 8.000.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 1/2025 cho đến khi con chung thành niên.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Trần Thanh H và ông Đặng Vĩnh Duy H1 phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thanh H và ông Đặng Vĩnh Duy H1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh H và ông Đặng Vĩnh Duy H1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà H và ông H1 thỏa thuận giao bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Thiên K, sinh ngày 27/9/2020; ông H1 cấp dưỡng nuôi con 8.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên, bắt đầu thi hành từ tháng 01/2025 tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trường hợp ông H1 chậm trả tiền cấp dưỡng thì ông H1 phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản chung: Bà H và ông H1 khai không có.

- Về nợ chung: Bà H và ông H1 khai không có.

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Bà Trần Thanh H và ông Đặng Vĩnh Duy H1 phải chịu lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được tính vào tạm ứng lệ phí do bà Trần Thanh H và ông Đặng Vĩnh Duy H1 đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003072 ngày 20/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- UBND P.01, Q.5, Tp. Hồ Chí Minh
(Ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy CNKH
số 63 ngày 14 tháng 9 năm 2020);
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Bùi Thụy Hồng Châu